

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **96/2021/DS-ST**

Ngày 06/9/2021

*“V/v tranh chấp hợp đồng dân sự”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

***Các hội thẩm nhân dân:*** Ông Nguyễn Văn Môn và ông Nguyễn Văn Tư

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021 về *“Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

***\* NgU đơn:*** Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1958 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Số nhà 08, đường Nghĩa Dũng, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố HN

***Đại diện theo ủy quyền của ngU đơn:*** Ông Hoàng Quang Quyền, sinh năm 1973 (*có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 31, ngõ 267, đường Phùng Khoang, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố HN

***\* Bị đơn:*** Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam

Địa chỉ: Lô 24, khu dân cư sỹ quan, Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ kéo dài, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Chung. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (*vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, ngU đơn là bà Nguyễn Thị U và đại diện theo ủy quyền của ngU đơn ông Hoàng Quang Quyền thống nhất trình bày:*

Qua người quen giới thiệu, bà U biết đến Công ty Cổ phần LMTDViệt Nam, được cung cấp những tài liệu liên quan đến Công ty như giấy phép đã được Bộ y tế - Cục an toàn vệ sinh thực phẩm chứng nhận, được hưởng chương trình tri ân có khuyến mãi cao lại không rủi ro. Do tin tưởng vừa được mua sản phẩm sử dụng bảo vệ sức khỏe cho các thành viên trong gia đình và được hưởng các chương trình tri ân hấp dẫn nên ngày 17/4/2014, bà U đã ký kết hợp đồng hợp tác bán hàng số 0028880/HĐ-LMTD với Công ty cổ phần LMTDViệt Nam.

Sau khi ký hợp đồng với công ty, bà U đã mua của công ty 798 gói hàng (chủ yếu là sản phẩm cao Hồng sâm). Trị giá mỗi sản phẩm từ 6.800.000 đồng đến 8.450.000 đồng tùy theo thời điểm và theo chương trình tri ân khác nhau. Tổng cộng số tiền bà U đã nộp vào Công ty Cổ phần LMTDViệt Nam là 5.588.100.000 đồng. Sau khi mua hàng và nộp tiền vào công ty, công ty có đưa cho bà U 798 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho. Bà U chưa lấy sản phẩm của hóa đơn kiêm phiếu xuất kho nào.

Bà U có cung cấp cho Tòa án 798 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho, trong đó có 98 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho giá một sản phẩm là 8.450.000 đồng = 828.100.000 đồng và 700 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho có giá một sản phẩm là 6.800.000 đồng = 4.760.000.000 đồng. Trong tổng số hóa đơn kiêm phiếu xuất kho trên có có những hóa đơn ghi không rõ ngày tháng, số tiền và không có chữ ký của người lập phiếu, thủ kho, thủ trưởng đơn vị,...và một phiếu thu ngày 17/4/2014 với số tiền 680.000.000 đồng không ghi rõ tiền thu của mã hàng nào nên bà U chưa xác định được. Vì vậy, bà U thay đổi yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu Công ty cổ phần LMTDViệt Nam phải trả cho bà số tiền mua hàng của 291 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho bà đã nộp tiền mua hàng nhưng chưa được lấy sản phẩm trong đó có 98 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho ngày 30/4/2014 (6.800.000 đồng x 98 = 666.400.000 đồng); 100 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho ngày 08/5/2014 (6.800.000 đồng x 100 = 680.000.000 đồng) và 93 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho ngày 17/6/2014 (8.450.000 đồng x 93 = 785.850.000 đồng). Tổng số tiền của 291 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho bà U đã nộp cho Công ty cổ phần LMTDViệt Nam nhưng chưa được nhận hàng là 2.132.250.000 đồng. Bà U xác định đây là tiền riêng của bà U, không liên quan gì đến thành viên nào

trong gia đình bà U và ai khác.

Hiện công ty còn chưa trả cho bà U sản phẩm của 291 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho. Kể từ ngày nộp tiền mua các sản phẩm trên đến nay, có một vài lần bà U nhận được tiền hoa hồng, tiền tri ân của Công ty cổ phần LMTDViệt Nam nhưng không nhiều còn cụ thể nhận bao nhiêu lần, vào thời gian nào thì bà không nhớ. Bà xác định đây không phải là tiền mua hàng nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với số tiền này.

Đối với những nhân viên (giám đốc, kế toán, thủ kho, người lập phiếu) của Công ty cổ phần LMTDViệt Nam mà bà đã từng gặp, làm việc thì bà không nhớ được họ tên là gì, năm sinh bao nhiêu, địa chỉ ở đâu vì bà chỉ gặp họ khi đến mua hàng ở công ty nên bà cũng không có thông tin để cung cấp cho Tòa án và bà cũng không yêu cầu triệu tập những người này.

Đến năm 2017, bà U phát hiện ra ngày 11/7/2016 Công ty cổ phần LMTDViệt Nam đã bị rút giấy phép kinh doanh bán hàng đa cấp do vi phạm Nghị định 42 của Bộ công thương và bị xử phạt 409 triệu đồng cộng với hàng ngàn đơn thư khiếu kiện của các cộng tác viên trên 54 thị trường.

Nay, bà U yêu cầu Công ty Cổ phần LMTDViệt Nam phải trả cho bà số tiền 2.132.250.000 đồng tương đương 291 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho đã nộp tiền mua nhưng chưa được trả sản phẩm, bà không yêu cầu công ty phải trả lãi. Ngoài ra bà U không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Tại biên bản xác minh với Tòa án đại diện phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B cung cấp như sau: Công ty cổ phần LMTDViệt Nam vẫn đăng ký trụ sở tại địa chỉ N24, khu dân cư sỹ quan, Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ kéo dài, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B. Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh gì và không còn treo biển hiệu tại địa chỉ trên, không có nhân viên để nhận văn bản, hiện công ty khác đã thuê lại để đặt trụ sở.

Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải....nhưng đại diện của Công ty cổ phần LMTDViệt Nam không đến Tòa án làm việc và cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thu thập tài liệu chứng cứ từ các vụ án khác do Cục Quản lý cạnh tranh nay là Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng- Bộ Công thương cung cấp cho Tòa án tài liệu liên quan đến

Công ty cổ phần LMTDViệt Nam, bao gồm:

- Bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao Quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của Cục Quản lý cạnh tranh về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty. Trong Quyết định có nội dung: Công ty Cổ phần LMTDViệt Nam không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp khi có thay đổi, bổ sung liên quan đến Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10, Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp không bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với cá nhân không đủ điều kiện tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 19- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đào tạo cơ bản đối với người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi duy trì nhiều hơn một vị trí kinh doanh đa cấp, hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với một người tham gia bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại điểm p khoản 1 Điều 5 Nghị định 42/2014/NĐ-CP. Công ty đã vi phạm các quy định của Nghị định 42 về bán hàng đa cấp và quá trình hoạt động bán hàng đa cấp, Công ty đã có nhiều sai phạm nên Cục quản lý cạnh tranh, Bộ Công thương đã ra Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh đối với Công ty. Ngoài hình thức phạt tiền, Cục quản lý cạnh tranh còn áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là “Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP”, Công ty cổ phần LMTDViệt Nam không còn tư cách về mặt chủ thể để tham gia bán hàng đa cấp.

Ngày 11/8/2021, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do. Đại diện theo ủy quyền của ngU đơn ông Hoàng Quang Quyền có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. NgU đơn, đại diện theo ủy quyền của ngU đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U, buộc Công ty cổ phần LMTDViệt Nam phải trả cho bà U số tiền 2.132.250.000 đồng. Về án phí: Công ty cổ phần LMTDViệt Nam phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. NgU đơn và đại diện theo ủy quyền của ngU đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 17/4/2014, Công ty cổ phần LMTDViệt Nam và bà Nguyễn Thị U đã ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 028880/HĐ-LMTD thời gian là 01 năm và có hiệu lực pháp lý kể từ thời điểm hai bên ký kết. Căn cứ hợp đồng trên, bà U có nộp tiền mua hàng của Công ty cổ phần LMTDViệt Nam nhưng đến nay chưa được giao đủ số hàng đã mua. Bà U đã đòi nhiều lần nhưng Công ty chưa trả. Các bên không tự giải quyết được tranh chấp nên bà U khởi kiện ra Tòa án. Quan hệ tranh chấp giữa bà U với Công ty cổ phần LMTDViệt Nam là quan hệ dân sự giữa cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh với pháp nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh về bán hàng đa cấp. Do vậy, xác định đây là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự” (cụ thể là tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng).

Bị đơn là Công ty cổ phần LMTDViệt Nam có địa chỉ trụ sở tại Lô 24, khu dân cư sỹ quan, Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ kéo dài, phường Dĩnh Kế,

thành phố B, tỉnh B nên Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết yêu cầu của bà Tỷ là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ngU đơn về việc buộc Công ty cổ phần LMTDViệt Nam phải trả số tiền 2.132.250.000 đồng tương đương giá trị 291 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho đã nộp tiền mua nhưng chưa được trả sản phẩm:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do bà U cung cấp, có căn cứ xác định: Ngày 17/4/2014, bà U có ký Hợp đồng hợp tác bán hàng số 028880/HĐ-LMTD với Công ty cổ phần LMTDViệt Nam trong thời gian Công ty được phép hoạt động bán hàng đa cấp. Trong các ngày 30/4/2014, ngày 08/5/2014 và ngày 17/6/2014 bà U đã nộp vào Công ty cổ phần LMTDViệt Nam số tiền 2.132.250.000 đồng để mua 291 mã hàng là sản phẩm cao Hồng Sâm với giá tiền thùy thời điểm khác nhau và ở giá 6.800.000 đồng hoặc 8.450.000 đồng 01 sản phẩm. Công ty cổ phần LMTDViệt Nam chưa trả cho bà U được sản phẩm nào của 291tương ứng với 291 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho còn ngU 02 liên (liên 02 và 03, mỗi hóa đơn kiêm phiếu xuất kho có 03 liên: liên 01 đã lưu công ty khi nộp tiền mua hàng, liên 02 lưu kho khi lấy hàng và liên 03 khách hàng giữ).

Ngày 03/10/2016, cục quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương có Quyết định về việc xử lý vụ việc cạnh tranh số 252/QĐ-QLCT đối với Công ty cổ phần LMTDViệt Nam. Tại Quyết định trên thì Công ty cổ phần LMTDViệt Nam đã bị áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP.

Nay bà U yêu cầu Công ty cổ phần LMTDViệt Nam phải trả cho bà số tiền 2.132.250.000 đồng tương đương giá trị của 291 hóa đơn kiêm phiếu xuất kho đã nộp tiền mua nhưng chưa được Công ty trả sản phẩm là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/07/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp. Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu trên của bà U.

[4] Đối với số tiền Công ty cổ phần LMTDViệt Nam đã trả cho bà U, do bà U xác định đây là tiền hoa hồng, tiền tri ân cho khách hàng và không yêu cầu Tòa án xem xét đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này Công ty cổ phần LMTDViệt Nam có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Yêu cầu của bà U được chấp nhận nên Công ty cổ phần LMTDViệt Nam phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 274; Điều 275; Điều 280; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn. Buộc Công ty cổ phần LMTDViệt Nam phải trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền 2.132.250.000 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

**2.** Án phí: Công ty Cổ phần LMTDViệt Nam phải chịu 74.645.000 đồng (Bảy mươi tư triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

**3.** Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**4. Quyền kháng cáo:** Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**5. Hướng dẫn thi hành án dân sự:** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Hằng**